

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2025.

V/v tranh chấp Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;

2. Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: P.201 - CT1A2, khu đô thị T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Mộc L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm S, Phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/02/2025 nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Trần Mộc L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2019 tại UBND phường H, quận H, thành

phố Hà Nội. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì bà Lê Thị T và ông Trần Mộc L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Lê Thị T và ông Trần Mộc L đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà Lê Thị T và ông Trần Mộc L có 01 con chung là cháu Lê Quang M (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2020.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Mộc L.

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Quang M (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2020 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị T không yêu cầu ông Trần Mộc L thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2024.

Đối với bị đơn ông Trần Mộc L: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Mộc L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L nhưng ông L không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông L có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2019, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Ông L biết việc bà T khởi kiện nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ông L không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu

ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Lê Quang M (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2020, hiện đang sống với bà T. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Riêng bị đơn không có ý kiến gì về con chung.

Xét thấy, con chung đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là cháu Lê Quang M (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2020 hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T ly hôn ông Trần Mộc L.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Quang M (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2020 hiện đang sống với nguyên đơn cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Ông Trần Mộc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Trần Mộc L không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Do bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Lê Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006248 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu không nộp thêm. Ông Trần Mộc L không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- UBND phường H, quận H, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình